**Phụ lục 10**

**Quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu**

*( Ban hành kèm theo Quyết định số: 1701 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

## I. THỦ TỤC CẤP XÃ

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm xử lý công việc | Đơn vị thực hiện | Thời gian Giải quyết TTHC |
|---|---|---|---|---|
| ***1.1*** | ***Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở (Tổng thời gian giải quyết: 2 ngày làm việc)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch | UBND cấp xã | 0.5 ngày |
| Bước 4 | Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt công chức Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; Công chức Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt; Ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch; tổ chức giao dịch hợp đồng | UBND cấp xã; cá nhân, tổ chức giao dịch hợp đồng | 0.5 ngày |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| ***1.2*** | ***Thủ tục chứng thực di chúc (Tổng thời gian giải quyết: 2 ngày làm việc)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 0.5 ngày |
| Bước 4 | Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ trước mặt công chức Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ; công chức Tư pháp - hộ tịch Ghi lời chứng theo mẫu quy định, ghi vào sổ chứng thực chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã; người lập di chúc | 0.5 ngày |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp | UBND cấp xã | Không quy định |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | xã | | |
| ***1.3*** | ***Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (Tổng thời gian giải quyết: 2 ngày làm việc)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ đến lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 0.5 ngày |
| Bước 4 | Người từ chối nhận di sản ký hoặc điểm chỉ trước mặt công chức Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ; Ghi lời chứng theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã; Người từ chối nhận di sản | 0.5 ngày |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| ***1.4*** | ***Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Tổng thời gian giải quyết: 2 ngày làm việc)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành | UBND cấp xã | 0.25 ngày |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | chính công cấp xã | | |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 0.5 ngày |
| Bước 4 | Các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt công chức Tư pháp – Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ; Ghi lời chứng theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã; Các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản | 0.5 ngày |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| ***1.5*** | ***Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản quyền sử dụng đất, nhà ở (Tổng thời gian giải quyết: 2 ngày làm việc)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 0.5 ngày |
| Bước 4 | Người khai nhận di sản phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt công chức Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận hồ sơ; Ghi lời chứng theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch | UBND cấp xã; Người khai nhận di sản | 0.5 ngày |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức Văn thư UBND cấp xã | UBND cấp xã | 0.25 ngày |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| **1.6** | ***Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 4 | Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt công chức Tư pháp - Hộ tịch. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực | Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 2 giờ |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt; công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi lời chứng theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | | | |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức Văn thư UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| **1.7** | ***Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 4 | Gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa; Ghi lời chứng theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 5 | Ký ghi rõ họ tên của người sửa, ngày tháng năm sửa; ký, ghi rõ họ tên cơ quan thực hiện chứng thực | Lãnh đạo UBND cấp xã | | 1 giờ |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư | UBND cấp xã | 1 giờ |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | cấp xã | | |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| **1.8** | ***Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 4 | Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên người chứng thực | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| **1.9** | ***Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã*** | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 4 | Đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch với chữ ký mẫu; Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký người dịch theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức tư pháp - hộ tịch | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên người thực hiện chứng thực | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |
| **1.10** | ***Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 4 | Ghi lời chứng chứng thực chữ ký người dịch theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực. | Công chức tư pháp - hộ tịch | UBND cấp xã | 2 giờ |
| Bước 5 | Ký, ghi rõ họ tên người chứng thực | Lãnh đạo UBND cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 6 | Đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực | Công chức văn thư cấp xã | UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 7 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã | UBND cấp xã | Không quy định |

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

| Thứ tự công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm xử lý công việc | Đơn vị thực hiện | Thời gian Giải quyết TTHC |
|---|---|---|---|---|
| ***2.1*** | ***Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc (Tổng thời gian giải quyết: trong ngày tiếp nhận hồ sơ)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng | Công chức của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã | Sở Tư pháp; UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc sở; Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã | Sở Tư pháp; UBND cấp xã | 1 giờ |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ; Tra cứu sổ gốc; soạn thảo nội dung bản sao phải ghi theo đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc. Trong trường hợp không tìm thấy sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì cơ quan, tổ chức đang lưu giữ sổ gốc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu | Công chức phòng chuyên môn thuộc sở; Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã | Sở Tư pháp; UBND cấp xã | 4 giờ |
| Bước 4 | Ký xác nhận bản sao từ sổ gốc | Lãnh đạo Sở Tư pháp; lãnh đạo UBND cấp xã | Sở Tư pháp; UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 5 | Đóng dấu bản sao | Công chức văn thư sở; công chức văn thư cấp xã | Sở Tư pháp; UBND cấp xã | 1 giờ |
| Bước 6 | Trả kết quả chứng thực | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã | Sở Tư pháp; UBND cấp xã | Không quy định |
| ***2.2*** | ***Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (Tổng thời gian giải quyết: trong ngày tiếp nhận hồ sơ)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã cấp cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | UBND Cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức, công chứng viên thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã/trưởng văn phòng công chứng | UBND Cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ; Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực hiện ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định; ghi vào sổ chứng thực | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã/Công chứng viên | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 4 giờ |
| Bước 4 | Ký, ghi rõ họ tên người thực hiện chứng thực | Lãnh đạo UBND cấp xã/Công chứng viên | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |
| Bước 5 | Đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực | Văn thư UBND cấp xã/công chứng viên | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |
| Bước 5 | Trả kết quả chứng thực | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/ các tổ chức hành nghề công chứng | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | Không quy định |
| ***2.3*** | ***Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (Tổng thời gian giải quyết: trong ngày tiếp nhận hồ sơ)*** | | | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã cấp cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | UBND Cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |
| Bước 2 | Phân công cho công chức, công chứng viên thẩm định kiểm tra hồ sơ yêu cầu | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã/trưởng văn phòng công chứng | UBND Cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ; Kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp không được chứng thực chữ ký thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ trước mặt; Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định phía dưới chữ ký được chứng thực hoặc trang liền sau của trang giấy tờ, văn bản có chữ ký được chứng thực; nếu hồ sơ tiếp nhận tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông thì người tiếp nhận hồ sơ ký vào dưới lời chứng theo mẫu quy định và chuyển hồ sơ cho người thực hiện chứng thực; ghi vào sổ chứng thực | Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã/công chứng viên | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 4 giờ |
| Bước 4 | Ký, ghi rõ họ tên người chứng thực | Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND cấp xã/ các tổ chức hành nghề công chứng | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |
| Bước 5 | Đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng | Văn thư UBND cấp xã/công chứng viên | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | 1 giờ |
| Bước 6 | Trả kết quả chứng thực | Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/các tổ chức hành nghề công chứng | UBND cấp xã; các tổ chức hành nghề công chứng | Không quy định |